

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày: 19/8/2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Đào.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phương Thuận.

Ông Nguyễn Trọng Văn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2025/TLST-DSST ngày 10/3/2025 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 14/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST - DS ngày 30/7/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank). Địa chỉ trụ sở: Số 2 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng, Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh Đức – Chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh Cẩm Giàng – Hải Dương. Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị Ngân – Giám đốc phòng giao dịch Cẩm Giàng, Hải Phòng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976. Địa chỉ: thôn ĐX, xã CH, huyện CG, tỉnh HD (nay là thôn ĐX, xã CG thành phố HP).

Vắng mặt: Bà N, ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 29/4/2010 Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) và ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị H có ký hợp đồng tín dụng số BE 680796 (tức là sổ vay vốn) với nội dung: Ngân hàng cho ông T, bà H vay với số tiền 30.000.000đ, mục đích vay vốn: Xây lán xưởng và mua phụ tùng xe. Thời hạn vay 24 tháng. Lãi suất 14,5%/năm, trả lãi theo 06 tháng, kỳ trả nợ làm 02 kỳ cụ thể: Ngày 29/4/2011 trả 5.000.000đ, ngày 29/4/2012 trả số tiền 25.000.000đ. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền cho ông T, bà H. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T bà H đã thanh toán nợ cho Ngân hàng làm nhiều lần. Tính đến ngày 30/9/2024 ông bà đã trả được số tiền 10.143.278đ (trong đó nợ gốc là: 5.000.000đ và tiền lãi là 5.143.278đ). Ông bà Thắng Hưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng đều không có kết quả. Do vậy Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 12, thành phố Hải Phòng giải quyết buộc: Ông T bà H phải thanh toán trả nợ Ngân hàng tính đến ngày 30/9/2024 là **37.771.786đ**, trong đó tiền gốc là 25.000.000đ, tiền lãi là 12.771.786đ. Buộc ông T bà H tiếp tục phải chịu lãi suất 4,86% từ ngày 30/9/2024 đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Quan điểm của bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà H kết hôn từ năm 2000. Vào khoảng năm 2010 do nhu cầu cần tiền kinh doanh nên ông có đến Phòng giao dịch Cẩm Giàng thuộc Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam vay vốn. Ông được Ngân hàng nhất trí cho vay với số tiền 30.000.000đ. Ông ký kết hợp đồng tín dụng chính là sổ vay vốn, khi vay ông không phải thế chấp tài sản gì. Ông đã nhận đủ số tiền vay và sử dụng đúng mục đích. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 5.000.000đ và tiền lãi. Thời gian gần đây do làm ăn kinh tế khó khăn nên ông không thu xếp được tiền trả nợ Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện vợ chồng ông, yêu cầu trả số tiền **37.771.786đ**, trong đó tiền gốc là 25.000.000đ, tiền lãi là 12.771.786đ, ông hoàn toàn nhất trí. Ông sẽ thu xếp và thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn và đề nghị xin miễn lãi vì hoàn cảnh khó khăn.

Bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày: Bà và ông T có mối quan hệ vợ chồng, ông bà kết hôn năm 2000 nhưng không thường xuyên sinh sống cùng nhau. Sau khi kết hôn bà vẫn sống tại gia đình nhà ngoại ở Hưng Yên, thỉnh thoảng ông T mới về quê gặp bà, bà không sinh sống tại Ngọc Liên, Cẩm Giàng. Năm 2010 ông T ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vay số tiền 30.000.000đ. Việc này bà không biết. Ông T vay với mục đích làm gì và sử dụng số tiền trên như thế nào bà không biết. Bà khẳng định ông T không sử dụng số tiền vay vào việc phát triển

kinh tế gia đình hay sử dụng số tiền vào sinh hoạt chung gia đình. Bà được Tòa án nhân dân khu vực 12 thành phố Hải Phòng cho xem sổ vay vốn Ngân hàng, bà khẳng định chữ ký trong sổ vay vốn không phải do bà ký. Ai là người ký bà không được biết. Trường hợp cần thiết, bà sẵn sàng đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của bà trong sổ vay vốn để làm rõ sự việc. Sau khi Tòa án xuống làm việc với bà, bà đã trao đổi với ông T thì ông T nhất trí với quan điểm của bà về việc. Ông sẽ tự thanh toán số tiền trên trả nợ Ngân hàng và không yêu cầu bà vì thực tế ông vay số tiền 30.000.000đ vào năm 2010 không liên quan đến bà. Bà và ông T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/7/2025, Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ với Ngân hàng, không yêu cầu bà H phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ với ông T. Tòa án đã ra Thông báo về việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng và những người tham gia tố tụng được biết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng thông qua ý kiến ngày 18/8/2025 nguyên đơn xác định: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ thanh toán của bà H, đồng thời xác định khoản nợ của ông T tính đến ngày 19/8/2025 là 38.846.978đ bao gồm nợ gốc 25.000.000đ, nợ lãi là 13.846.978đ. Lãi suất áp dụng cho ông T là 4,86%/năm theo Công văn số 12333 ngày 29/12/2021 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam. Đối với ý kiến của ông T đề nghị Ngân hàng miễn lãi, Ngân hàng không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về án phí. Ngân hàng không tự nguyện chịu thay bị đơn mà đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS; bị đơn không chấp hành yêu cầu triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị áp dụng Điều 117; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Agribank, buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng Agribank tạm tính đến

ngày xét xử số tiền nợ gốc: 25.000.000 đồng và nợ lãi theo mức lãi suất 4,86%/năm theo văn bản số 12333/NHNo-TD ngày 29-12-2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Agribank. Anh T tiếp tục phải trả cho ngân hàng AgriBank khoản nợ lãi theo mức lãi suất được Ngân hàng Agribank áp dụng theo văn bản số 12333/NHNo-TD ngày 29-12-2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Agribank là 4,86%/năm kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng. Trong trường hợp anh T không trả nợ, Ngân hàng Agribank được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu anh T thi hành án theo quy định.

Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng:

+ . Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị H về việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú tại xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân khu vực 12, thành phố Hải Phòng thụ lý là đúng thẩm quyền.

+ . Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, người vắng mặt đã có ý kiến xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử theo thủ tục chung.

+ . Đối với yêu cầu nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng xác định khoản nợ của ông T là nợ riêng, không liên quan đến bà H và tự nguyện xin rút yêu cầu đối với nghĩa vụ trả nợ của bà H. Xét, việc thay đổi yêu cầu trên của Ngân hàng là tự nguyện, phù hợp với quy định nên HĐXX chấp nhận. HĐXX không xác định bà Đỗ Thị H là bị đơn trong vụ án theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX đánh giá.* Đối với hợp đồng tín dụng BE 680796 được nguyên đơn và bị đơn ký kết ngày 29/4/2010. Ngân hàng và ông T trình bày thống nhất với nhau về số tiền vay 30.000.000đ, bên vay đã nhận đủ tiền và sử dụng tiền đúng mục đích, lãi suất cho vay là 14,5%/năm, thời hạn vay là 24 tháng. Trên cơ sở lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có căn cứ xác định: Hợp đồng tín dụng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia đều có đủ năng lực trách nhiệm

dân sự, số tiền vay đã được bàn giao cho người vay đúng hạn nên hợp đồng có giá trị pháp lý, buộc các bên tham gia ký kết phải có trách nhiệm thực hiện.

Về nghĩa vụ thanh toán số tiền 38.846.978đ: Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng khởi kiện ông T và bà H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán. Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã rút nghĩa vụ liên đới đối với bà H. HĐXX đánh giá. Mặc dù khoản tiền vay được ký kết năm 2010, khi ông T và bà H đã tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, theo lời khai của gia đình ông T và bà H thì ông T và bà H không chung sống cùng nhau, không có kinh tế chung trong giai đoạn này. Bà H sinh sống và làm việc tại Hưng Yên, đến năm 2015 bà mới về Hải Dương sinh sống. Bà H không được bàn bạc và sử dụng số tiền vay. Quan điểm của ông T (thông qua gia đình) cũng khẳng định đây là nợ riêng của ông. Do vậy, HĐXX có căn cứ xác định khoản nợ của ông T tại Ngân hàng là khoản nợ riêng, không phải nợ chung vợ chồng.

Đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu ông T thanh toán. Tính đến ngày 19/8/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 38.846.978đ bao gồm nợ gốc 25.000.000đ, nợ lãi là 13.846.978đ. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng. Ông T có ý kiến xin trả nợ làm nhiều lần vì hoàn cảnh khó khăn nhưng không được Ngân hàng đồng ý. Mặt khác Tòa án mở phiên họp công bố công khai chứng cứ và hòa giải để cho nguyên đơn, bị đơn có thỏa thuận với nhau nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, ông cũng xin vắng mặt. Điều đó thể hiện, ông không thiện chí trong việc giải quyết dứt điểm vụ án. Đề nghị ông đưa ra không được Ngân hàng nhất trí nên HĐXX buộc ông T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đối với mức lãi suất áp dụng: Để tạo điều kiện cho ông T có khả năng thanh toán nợ, Ngân hàng Agribank áp dụng văn bản số 12333/NHNo-TD ngày 29/12/2021 của Tổng Giám đốc Agribank thực hiện giảm lãi cho khoản vay ông bà từ 14,5%/năm xuống mức lãi suất là 4,86%/năm kể từ thời điểm vay vốn nên số tiền lãi trong hạn mới là 13.846.978đ, không tính lãi quá hạn. Mức lãi suất này được Ngân hàng áp dụng từ thời điểm vay (*không tính phần tiền gốc và tiền lãi đã trả*) cho đến khi ông thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng là đúng quy định nên được HĐXX chấp nhận.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 429; Điều 463; Điều

466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật đất đai năm 2003; Văn bản số 12333/NHNo-TD ngày 29/12/2021 của Ngân hàng Agribank; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam. Xử:

[1]. Buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam tính đến ngày 19/8/2025 là **38.846.978đ** bao gồm nợ gốc 25.000.000đ, nợ lãi là 13.846.978đ.

Kể từ ngày 20/8/2025, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam áp dụng theo văn bản số 12333/NHNo-TD ngày 29-12-2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Agribank là 4,86%/năm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

[2]. Về án phí sơ thẩm: Buộc Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.942.348đ.

Hoàn trả Ngân hàng Agribank số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 950.000đ theo biên lai thu số 0007382 ngày 07/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12, thành phố Hải Phòng).

[3]. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12- Hải Phòng.
- Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào